

Số: /TB-BVPHCN

Đồng Tháp, ngày tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO

Mời chào giá thu mẫu quan trắc môi trường tại Bệnh viện năm 2025

Kính gửi: Quý cơ quan, đơn vị quan tâm

Căn cứ Kế hoạch Số 22/KH-BVPHCN ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Bệnh viện Phục hồi chức năng Tỉnh Đồng Tháp về quan trắc môi trường tại Bệnh viện năm 2025;

Bệnh viện Phục hồi chức năng Tỉnh Đồng Tháp đang có nhu cầu quan trắc môi trường tại bệnh viện năm 2025 (*Chi tiết theo danh mục đính kèm*).

Kính mời quý cơ quan, đơn vị quan tâm gửi bảng chào giá phí tham gia cung cấp dịch vụ thu mẫu theo danh mục các chỉ tiêu đính kèm gửi về Bệnh viện Phục hồi chức năng Tỉnh Đồng Tháp, cụ thể như sau:

- Bảng chào giá phải bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có), mức khấu trừ, hiệu lực báo giá 30 ngày kể từ ngày chào giá. Bảng chào giá/báo giá phải được ký tên, đóng dấu và bỏ vào phong bì dán kín.

- Thời hạn tiếp nhận chào giá: Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày thông báo.

- Thời gian nhận báo giá: Trong giờ hành chính (sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ) từ thứ Hai đến thứ Sáu.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Địa chỉ nhận bảng chào giá: Phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính quản trị, Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Đồng Tháp (số 167, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; Số điện thoại: 02773 871635).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Bệnh viện;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Mai Ngọc Lành

DANH MỤC
CHỈ TIÊU THU MẪU QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NĂM 2025
(Đính kèm Thông báo số /TB-BVPHCN, ngày /02/2025 của BVPHCN)

STT	Chỉ tiêu	Số mẫu	Số lần/năm	Ghi chú
1	Không khí xung quanh			
1.1	Tiếng ồn	1	4	
1.2	Tổng bụi lơ lửng	1	4	
1.3	H ₂ S	1	4	
1.4	SO ₂	1	4	
1.5	CO	1	4	
1.6	CO ₂	1	4	
1.7	NO ₂	1	4	
1.8	NH ₃	1	4	
2	Nước thải			
2.1	pH	2	4	
2.2	BOD	2	4	
2.3	COD	2	4	
2.4	TSS	2	4	
2.5	Sunfua	2	4	
2.6	Amonia	2	4	
2.7	Nitrat	2	4	
2.8	Phosphat	2	4	
2.9	Tổng Coliforms	2	4	
2.10	Lưu lượng	2	4	
3	Nước ngầm			
1. Nhóm A				
3.1	Coliforms ^(*)	1	2	
3.2	Escherichia coli ^(*)	1	2	
3.3	Arsenic (As) ^(*)	1	2	
3.4	Clo dư tự do	1	2	
3.5	Độ đục ^(*)	1	2	
3.6	Màu sắc ^(*)	1	2	
3.7	Mùi vị	1	2	
3.8	pH ^(*)	1	2	

STT	Chỉ tiêu	Số mẫu	Số lần/năm	Ghi chú
2. Nhóm B				
3.9	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Pseudomonas aeruginosa</i>) (*)	1	2	
3.10	Amoni (*) (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	1	2	
3.11	Bari (Ba)	1	2	
3.12	Bor (B) (*) (tính chung cho cả Borat và axit Boric (B))	1	2	
3.13	Chloride (Cl^-) (*)	1	2	
3.14	Đồng (Cuprum) (Cu) (*)	1	2	
3.15	Độ cứng, tính theo CaCO_3 (*)	1	2	
3.16	Fluor (F) (*)	1	2	
3.17	Kẽm (Zincum) (Zn) (*)	1	2	
3.18	Mangan (Mn) (*)	1	2	
3.19	Natri (Na) (*)	1	2	
3.20	Nhôm (Aluminium) (Al)	1	2	
3.21	Nickel (Ni) (*)	1	2	
3.22	Nitrat (NO_3^- tính theo N) (*)	1	2	
3.23	Nitrit (NO_2^- tính theo N) (*)	1	2	
3.24	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	1	2	
3.25	Sunphat (*)	1	2	
3.26	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)	1	2	
3.27	Monoclorobenzen	1	2	
3.28	Chlorpyrifos (*)	1	2	
3.29	Cyanazine	1	2	
3.30	DDT và các dẫn xuất (*)	1	2	
3.31	Hydroxyatrazine	1	2	
3.32	Bromodichloromethane	1	2	
3.33	Chloroform	1	2	
3.34	Dibromocloromethane	1	2	